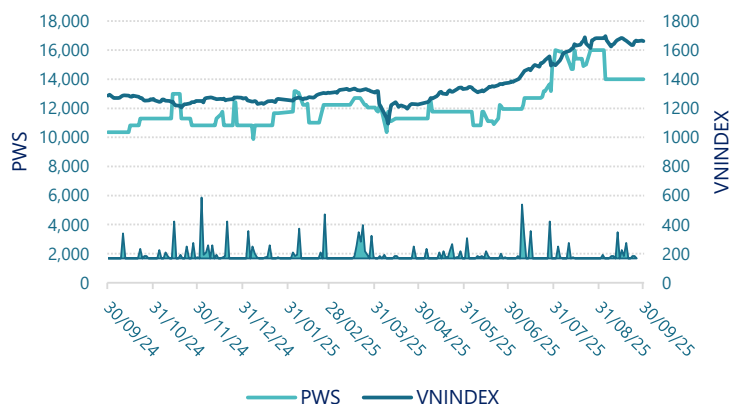


CTCP Cấp thoát nước Phú Yên (UPCOM: PWS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,879
SL cổ phiếu LH	38,363,579
KLGD BQ 20 phiên (CP)	165
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	537
P/E	21.9
EPS	638

DT thuần

Q3/25

36.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.40 | 4.0%

YoY: ▼ 0.50 | -1.3%

LN sau thuế

Q3/25

7.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.88 | 35.4%

YoY: ▼ 2.99 | -29.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

23.4%

+/- YoY: ▼ 8.0%

DT thuần

9T 2025

102

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.00 | -2.3%

LN sau thuế

9T 2025

17.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.2 | -36.8%

ROE

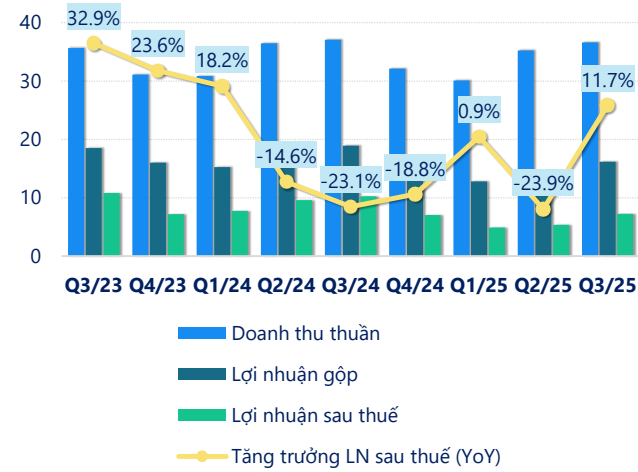
Q3/25

5.7%

+/- YoY: ▼ 2.3%

tỷ VNĐ

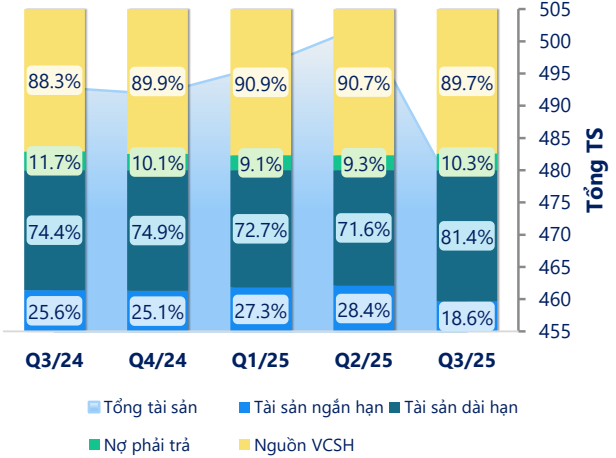
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

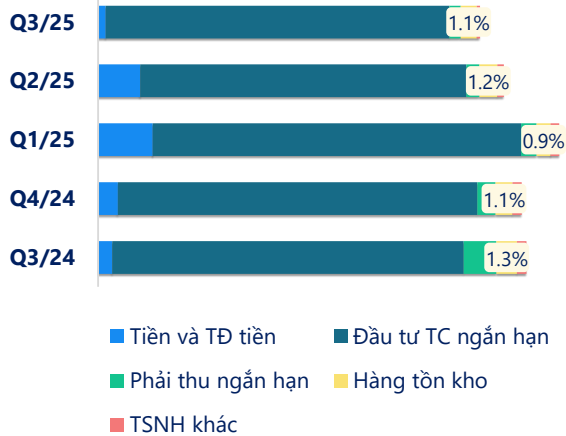
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



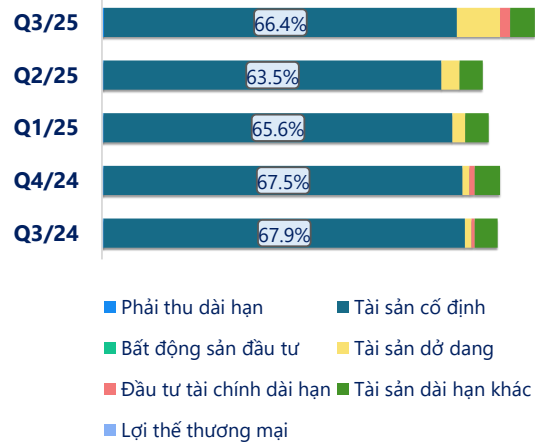
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

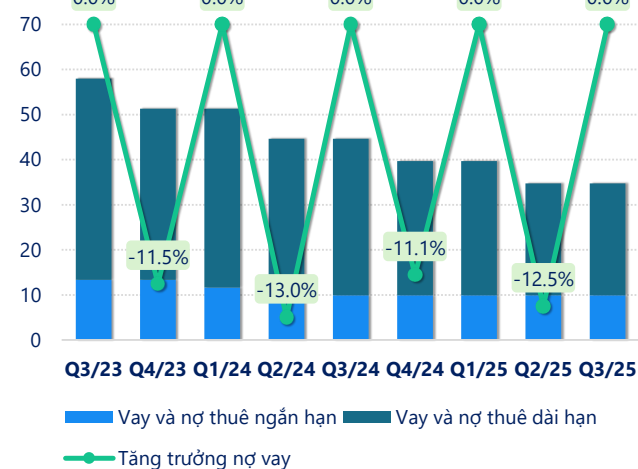
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

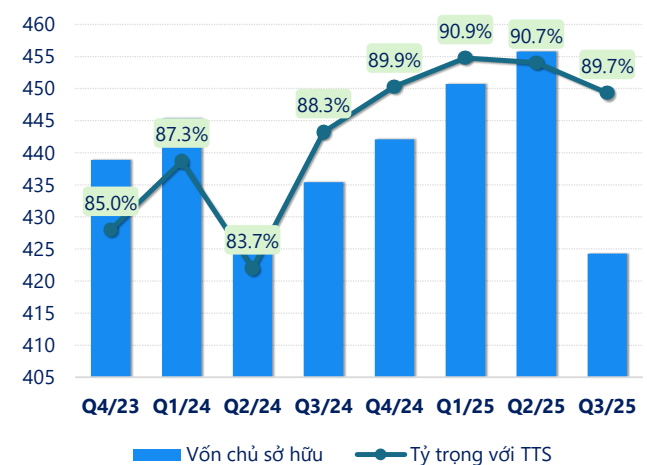
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

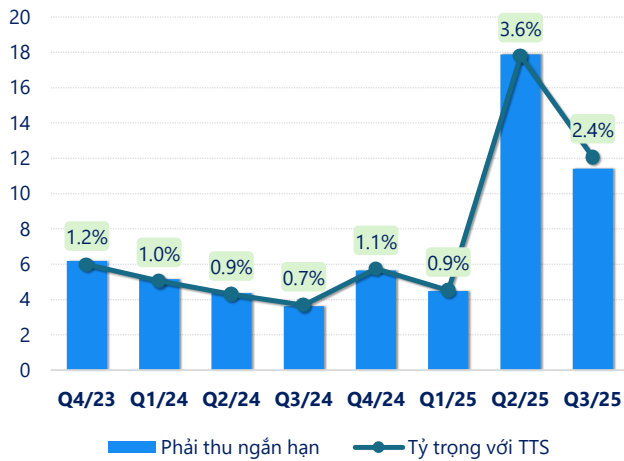
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



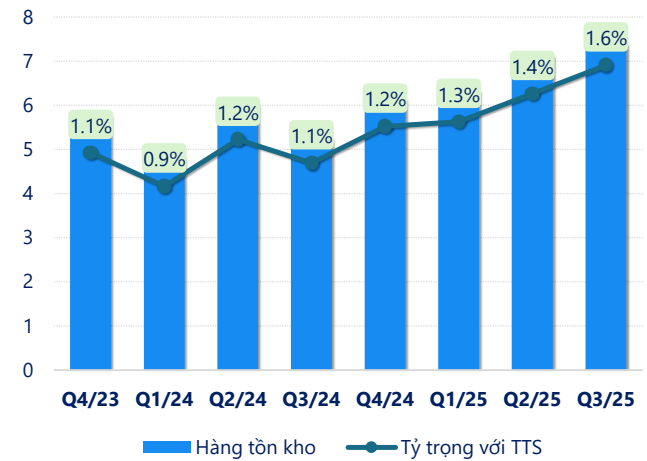
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


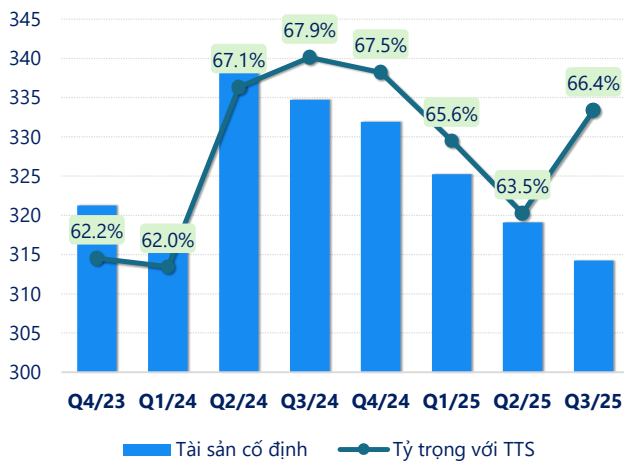
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


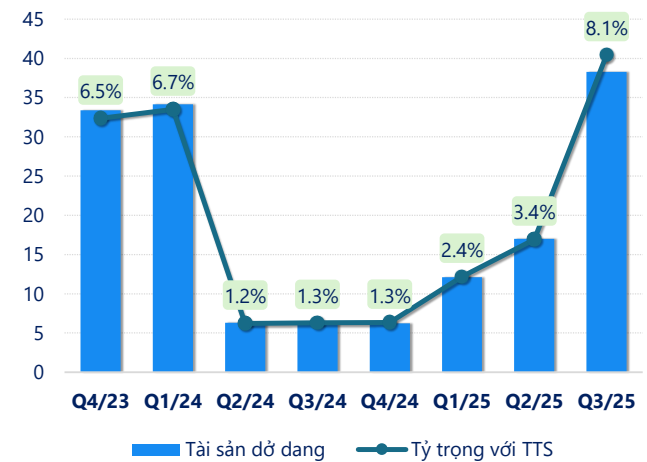
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

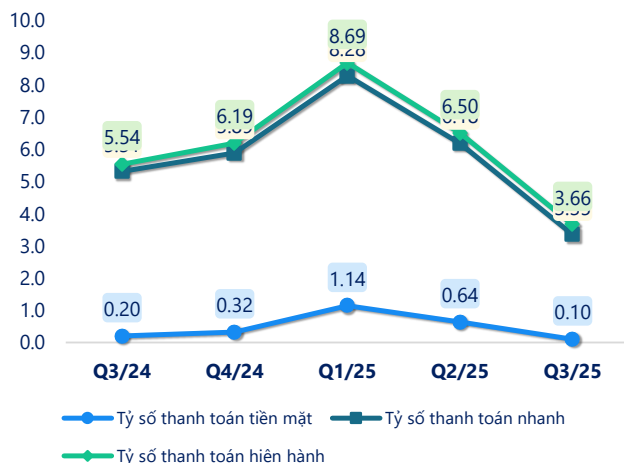
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

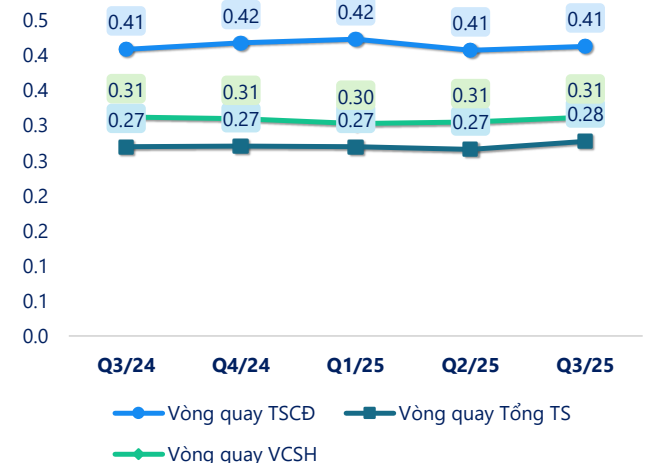
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	493	492	496	502	473
Tài sản ngắn hạn	126	124	135	143	88.0
Tiền và tương đương tiền	4.56	6.38	17.8	13.9	2.40
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	105	107	104	65.8
Phải thu ngắn hạn	3.63	5.65	4.48	17.9	11.4
Hàng tồn kho	5.20	6.11	6.28	7.08	7.35
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.98	0.34	0.15	0.98
Tài sản dài hạn	367	368	361	360	385
Phải thu dài hạn	1.65	1.65	1.65	1.65	1.65
Tài sản cố định	335	332	325	319	314
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.22	6.23	12.1	17.0	38.3
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	5.00	0	0	9.00
Tài sản dài hạn khác	21.3	23.4	21.7	22.2	22.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	57.5	49.7	45.3	46.7	48.9
Nợ ngắn hạn	22.8	20.0	15.6	21.9	24.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.92	9.92	9.92	9.92	9.92
Phải trả người bán ngắn hạn	1.53	2.88	0.77	5.06	1.69
Nợ dài hạn	34.7	29.8	29.8	24.8	24.8
Vay và nợ thuê dài hạn	34.7	29.8	29.8	24.8	24.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	435	442	451	456	424
Vốn chủ sở hữu	435	442	451	456	424
Vốn điều lệ	384	384	384	384	384
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)